



**Câu hỏi thường gặp về bồi hoàn  
trực tiếp cho hội viên đối với dịch  
vụ nha khoa ngoài mạng lưới**

**1. H: Tôi có thể nhận bồi hoàn chi phí dịch vụ nha khoa ngoài mạng lưới bằng cách nào?**

**Đ:** Quý vị có thể yêu cầu Imperial hoàn tiền bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản. Vui lòng gửi yêu cầu bồi hoàn bằng văn bản kèm hóa đơn và chứng từ về các khoản thanh toán quý vị đã thực hiện. Quý vị nên lưu lại bản sao của hóa đơn và biên lai. Quý vị phải gửi yêu cầu cho chúng tôi trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận dịch vụ, sản phẩm hoặc thuốc. Hãy gửi yêu cầu thanh toán cùng tất cả hóa đơn hay biên lai thanh toán cho chúng tôi theo địa chỉ:

**Imperial Health Plan of California Claims Department PO**

**BOX 60075**

**Pasadena, CA 91116**

**2. H: Tôi gửi chứng từ hoàn tiền đến địa chỉ nào?**

**Đ:** Vui lòng gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ Imperial Health Plan of California Claims Department, PO BOX 60075, Pasadena, CA 91116

**3. H: Phải mất bao lâu để tôi nhận được khoản bồi hoàn?**

**Đ:** Sau khi chúng tôi nhận và xem xét chứng từ, quý vị có thể nhận được khoản bồi hoàn trong vòng 30 ngày qua đường bưu điện đến địa chỉ nhà mà chúng tôi lưu trong hồ sơ.

4. **H: Nếu có người khác thanh toán cho dịch vụ nha khoa của tôi thì khoản bồi hoàn sẽ trả cho người đó hay tôi?**  
**Đ: Chúng tôi chỉ bồi hoàn trực tiếp cho hội viên.**
5. **H: Tôi có thể thăm khám với bất kỳ nha sĩ nào dù nha sĩ đó không thuộc mạng lưới nha khoa Imperial phải không?**  
**Đ: Quý vị có thể thăm khám với bất kỳ nha sĩ được cấp phép nào trong Tiểu bang California**
6. **H: Nếu tôi thăm khám với nha sĩ ngoài mạng lưới, biểu phí nào sẽ được áp dụng?**  
**Đ: Nha sĩ ngoài mạng lưới phải sử dụng Mức giá thông thường và theo thông lệ đối với quận cụ thể đó.**
7. **H: Quyền lợi nha khoa của tôi có khác biệt nếu tôi thăm khám với nha sĩ ngoài mạng lưới không?** **Đ: Quyền lợi bảo hiểm nha khoa và các trường hợp loại trừ đều giống nhau đối với dịch vụ trong mạng lưới và ngoài mạng lưới nhưng biểu phí nha sĩ áp dụng có thể khác nhau. Chúng tôi có thể gửi Chứng từ bảo hiểm nha khoa có nêu rõ danh sách các dịch vụ được đài thọ cùng các hạn chế và loại trừ qua email cho quý vị. Địa chỉ email của quý vị là gì?**
8. **H: Có thời hạn cho việc nộp đơn yêu cầu bồi hoàn chi phí nha khoa không?**  
**Đ: Quý vị có thể gửi yêu cầu bồi hoàn chi phí nha khoa trong vòng 30 ngày kể từ ngày cung cấp dịch vụ.**
9. **H: Tôi có thể thanh toán hóa đơn dịch vụ nha khoa hoặc chọn bồi hoàn chi phí nha khoa bằng Tiền điện tử không?**  
**Đ: Không, các khoản thanh toán và bồi hoàn chi phí nha khoa phải bằng đồng đô la Mỹ.**
10. **H: Những dịch vụ nha khoa nào không được đài thọ?**  
**Đ: Chúng tôi có thể gửi Chứng từ bảo hiểm nha khoa có nêu rõ danh sách các dịch vụ được đài thọ cùng các hạn chế và loại trừ qua email cho quý vị. Địa chỉ email của quý vị là gì?**

- 11. H: Tôi có thể được bồi hoàn tối đa bao nhiêu?**  
**Đ: Đối với các dịch vụ được đài thọ, mức tối đa hàng năm theo năm dương lịch 2025 sẽ thay đổi tùy thuộc vào việc quý vị tham gia gói quyền lợi nào trong sáu gói của chương trình Imperial:**

Quyền lợi của hội viên

**Imperial Senior Value (HMO C-SNP)**

PBP 005: Dịch vụ nha khoa định kỳ hàng năm.- \$500/Dịch vụ nha khoa không định kỳ: Tối đa \$3.000

**Imperial Traditional (HMO)**

PBP 007: Dịch vụ nha khoa định kỳ hàng năm.- \$500/Dịch vụ nha khoa không định kỳ: Tối đa \$3.000

**Imperial Dual Plan (HMO D-SNP)**

PBP 011: Dịch vụ nha khoa định kỳ hàng năm.- \$500/Dịch vụ nha khoa không định kỳ: Tối đa \$1.500

**Imperial Dynamic Plan (HMO)**

PBP 012: Dịch vụ nha khoa định kỳ hàng năm.- \$500/Dịch vụ nha khoa không định kỳ: Tối đa \$4.000

**Imperial Giveback (HMO)**

PBP 014: Dịch vụ nha khoa định kỳ hàng năm.- \$500/Dịch vụ nha khoa không định kỳ: Tối đa \$2.000

**Imperial Courage Plan (HMO)**

PBP 016: Dịch vụ nha khoa định kỳ hàng năm.- \$500/Dịch vụ nha khoa không định kỳ: Tối đa \$1.500

## MÃ VÀ MÔ TẢ THỦ THUẬT NHA KHOA

MÃ	MÔ TẢ	MỨC ĐỒNG BẢO HIỂM
D0120	Khám răng miệng định kỳ	Chẩn đoán
D0140	Khám răng miệng cụ thể	Chẩn đoán
D0150	Khám răng miệng toàn diện	Chẩn đoán
D0160	Khám răng miệng chi tiết và chuyên sâu	Chẩn đoán
D0170	Đánh giá lại – tập trung vào vấn đề răng miệng cụ thể	Chẩn đoán
D0171	Đánh giá lại – thăm khám sau phẫu thuật	Chẩn đoán
D0180	Khám nha chu toàn diện	Chẩn đoán
D0210	Chụp X-quang khoang miệng hoàn chỉnh	Chẩn đoán
D0220	Chụp X-quang quanh chóp trong khoang miệng lần đầu	Chẩn đoán
D0230	Chụp X-quang quanh chóp trong khoang miệng từng lần bổ sung	Chẩn đoán
D0240	Chụp X-quang mặt cắn trong khoang miệng	Chẩn đoán
D0270	Chụp X-quang cánh cắn một hình	Chẩn đoán
D0272	Chụp X-quang cánh cắn hai hình	Chẩn đoán

D0273	Chụp X-quang cánh cắn ba hình	Chẩn đoán
D0274	Chụp X-quang cánh cắn bốn hình	Chẩn đoán
D0277	Chụp X-quang cắn cánh dọc 7 đến 8 hình	Chẩn đoán
D0330	Chụp X quang răng toàn hàm	Chẩn đoán
D0414	Quy trình xử lý mẫu vi khuẩn, nuôi cấy, kiểm tra độ nhạy, chuẩn bị, báo cáo trong phòng thí nghiệm	Chẩn đoán
D0460	Thử tủy răng	Chẩn đoán
D0470	Đúc chẩn đoán	Chẩn đoán
D1110	Điều trị dự phòng – người trưởng thành	Phòng ngừa
D1206	Thoa vecni fluoride tại chỗ	Phòng ngừa
D1208	Thoa fluoride tại chỗ – không bao gồm vecni	Phòng ngừa
D2150	Trám răng bằng amalgam – hai mặt, răng sữa hay răng vĩnh viễn	Cơ bản
D2160	Trám răng bằng amalgam – ba mặt, răng sữa hay răng vĩnh viễn	Cơ bản
D2161	Trám răng bằng amalgam – bốn mặt trở lên, răng sữa hay răng vĩnh viễn	Cơ bản
D2330	Trám răng bằng composite gốc nhựa – một mặt, răng phía trước	Cơ bản
D2331	Trám răng bằng composite gốc nhựa – hai mặt, răng phía trước	Cơ bản
D2332	Trám răng bằng composite gốc nhựa – ba mặt, răng phía trước	Cơ bản
D2335	Trám răng bằng composite gốc nhựa – bốn mặt trở lên (răng phía trước)	Cơ bản

D2390	Mão răng composite gốc nhựa, răng phía trước	Cơ bản
D2391	Trám răng bằng composite gốc nhựa – một mặt, răng phía sau	Cơ bản
D2392	Trám răng bằng composite gốc nhựa – hai mặt, răng phía sau	Cơ bản
D2393	Trám răng bằng composite gốc nhựa – ba mặt, răng phía sau	Cơ bản
D2394	Trám răng bằng composite gốc nhựa – bốn mặt trở lên, răng phía sau	Cơ bản
D2710	Mão răng – composite gốc nhựa (gián tiếp)	Chuyên sâu
D2712	Mão răng – composite gốc nhựa 3/4 (gián tiếp)	Chuyên sâu
D2720	Mão răng – nhựa với hợp kim có tỷ lệ kim loại quý cao	Chuyên sâu
D2721	Mão răng – nhựa với hợp kim chủ yếu là kim loại cơ bản	Chuyên sâu
D2722	Mão răng – nhựa với kim loại quý	Chuyên sâu
D2740	Mão răng – nền sứ/gốm	Chuyên sâu
D2750	Mão răng – sứ kết hợp với hợp kim có tỷ lệ kim loại quý cao	Chuyên sâu
D2751	Mão răng – sứ kết hợp với hợp kim chủ yếu là kim loại cơ bản	Chuyên sâu
D2752	Mão răng – sứ kết hợp với kim loại quý	Chuyên sâu
D2780	Mão răng – 3/4 hợp kim đúc có tỷ lệ kim loại quý cao	Chuyên sâu
D2781	Mão răng – 3/4 hợp kim đúc chủ yếu là kim loại cơ bản	Chuyên sâu

D2782	Mão răng – 3/4 hợp kim đúc có kim loại quý	Chuyên sâu
D2783	Mão răng – 3/4 sứ/gốm	Chuyên sâu
D2790	Mão răng – hoàn toàn hợp kim đúc có tỷ lệ kim loại quý cao	Chuyên sâu
D2791	Mão răng – hoàn toàn hợp kim đúc chủ yếu là kim loại cơ bản	Chuyên sâu
D2792	Mão răng – hoàn toàn hợp kim đúc có kim loại quý	Chuyên sâu
D2910	Trám xi măng lại hoặc dán lại lớp phủ inlay, onlay, veneer hoặc lớp phủ một phần	Cơ bản
D2915	Trám xi măng lại cho trụ và cùi răng đúc sẵn hoặc tiền chế	Cơ bản
D2920	Trám xi măng lại cho mão răng	Cơ bản
D2940	Đặt phục hình trực tiếp tạm thời	Cơ bản
D2950	Tạo cùi răng, bao gồm các chốt cần thiết	Chuyên sâu
D2951	Cố định chốt – theo từng răng, đi kèm dịch vụ phục hình	Cơ bản
D2952	Trụ và cùi răng đi kèm mão răng, chế tạo gián tiếp	Chuyên sâu
D2953	Trụ răng chế tạo gián tiếp bổ sung – cùng một răng	Chuyên sâu
D2954	Trụ và cùi răng tiền chế đi kèm mão răng	Chuyên sâu
D2955	Tháo trụ răng	Chuyên sâu
D2957	Từng trụ răng tiền chế bổ sung cho cùng một răng	Chuyên sâu

D2971	Thủ thuật bổ sung để chỉnh mào răng mới, khung răng giả từng phần, hiện có	Cơ bản
D2976	Ổn định khâu chỉnh nha – từng răng	Cơ bản
D2980	Sửa chữa mào răng do lỗi vật liệu phục hình	Chuyên sâu
D3110	Bọc tủy răng – trực tiếp (trừ bước phục hình sau cùng)	Cơ bản
D3120	Bọc tủy răng – gián tiếp (trừ bước phục hình sau cùng)	Cơ bản
D3220	Điều trị tủy răng (trừ bước phục hình sau cùng) – loại bỏ tủy thân răng đến đường nối xi măng – ngà và dùng thuốc	Cơ bản
D3221	Nạo tủy, răng sữa và răng vĩnh viễn	Cơ bản
D3230	Điều trị tủy răng, răng phía trước, răng sữa (trừ bước phục hình sau cùng)	Cơ bản
D3240	Điều trị tủy răng, răng phía sau, răng sữa (trừ bước phục hình sau cùng)	Cơ bản
D3310	Điều trị nội nha, răng phía trước (trừ bước phục hình sau cùng)	Cơ bản
D3320	Điều trị nội nha, răng tiền hàm (trừ bước phục hình sau cùng)	Cơ bản
D3330	Điều trị nội nha, răng hàm (trừ bước phục hình sau cùng)	Cơ bản



D3331	Điều trị tắc ống tủy, không phẫu thuật	Cơ bản
D3332	Điều trị nội nha không đầy đủ; răng không thể phẫu thuật, không thể phục hình, bị gãy	Cơ bản
D3333	Chữa trị nội nha các lỗ trên răng	Cơ bản
D3346	Điều trị lại liệu pháp điều trị tủy trước đó – răng phía trước	Cơ bản
D3347	Điều trị lại liệu pháp điều trị tủy trước đó – răng tiền hàm	Cơ bản
D3348	Điều trị lại liệu pháp điều trị tủy trước đó – răng hàm	Cơ bản
D3351	Phương pháp đóng chóp/tái khoáng, thăm khám lần đầu	Cơ bản
D3352	Phương pháp đóng chóp/tái khoáng, thay thuốc tạm thời	Cơ bản
D3353	Phương pháp đóng chóp/tái khoáng, thăm khám sau cùng	Cơ bản
D3410	Cắt chóp răng – răng phía trước	Cơ bản
D3421	Cắt chóp răng – răng nanh (răng đầu tiên)	Cơ bản
D3425	Cắt chóp răng – răng hàm (răng đầu tiên)	Cơ bản
D3426	Cắt chóp răng – (mỗi răng tiếp theo)	Cơ bản
D3430	Trám cuống răng – theo từng răng	Cơ bản
D3450	Cắt chân răng – theo từng răng	Cơ bản
D3910	Thủ thuật phẫu thuật để cách ly răng bằng đám cao su	Cơ bản
D3920	Chia chân răng, không bao gồm điều trị tủy răng	Cơ bản

D3950	Chuẩn bị ống tủy và lấp chốt hoặc trụ đã tạo hình sẵn	Cơ bản
D4210	Phẫu thuật cắt nướu hoặc chỉnh hình nướu – từ bốn răng liền kề trở lên hoặc khoảng trống của răng trên mỗi góc phần tư	Cơ bản
D4211	Phẫu thuật cắt nướu hoặc chỉnh hình nướu – từ một đến ba răng liền kề hoặc khoảng trống của răng trên mỗi góc phần tư	Cơ bản
D4212	Phẫu thuật cắt nướu hoặc chỉnh hình nướu để có thể thực hiện thủ thuật phục hình, theo từng răng	Cơ bản
D4240	Thủ thuật cắt vạt nướu, bao gồm bào lán gốc răng – từ bốn răng liền kề trở lên hoặc khoảng trống của răng trên mỗi góc phần tư	Cơ bản
D4241	Thủ thuật cắt vạt nướu, bao gồm bào lán gốc răng – từ một đến ba răng liền kề hoặc khoảng trống của răng trên mỗi góc phần tư	Cơ bản
D4245	Vạt ở phía chóp	Cơ bản
D4260	Phẫu thuật tái tạo xương (bao gồm cả mở và đóng vạt) – từ bốn răng liền kề trở lên hoặc khoảng trống của răng trên mỗi góc phần tư	Cơ bản
D4261	Phẫu thuật tái tạo xương (bao gồm cả mở và đóng vạt) – từ một đến ba răng liền kề hoặc khoảng trống của răng trên mỗi góc phần tư	Cơ bản
D4270	Thủ thuật ghép mô mềm ở cuống	Cơ bản

D4273	Thủ thuật ghép mô liên kết tự thân, răng đầu tiên	Cơ bản
D4274	Thủ thuật cắt mô hình nôm ở giữa/phía sau, một răng	Cơ bản
D4275	Ghép mô liên kết không tự thân, răng đầu tiên	Cơ bản
D4277	Ghép mô mềm tự do, răng đầu tiên	Cơ bản
D4278	Ghép mô mềm tự do, mỗi răng tiếp theo	Cơ bản
D4283	Thủ thuật ghép mô liên kết tự thân, mỗi răng tiếp theo, theo từng vị trí	Cơ bản
D4285	Thủ thuật ghép mô liên kết không tự thân, mỗi răng tiếp theo, theo từng vị trí	Cơ bản
D4341	Nạo túi nha chu và bào lóng gốc răng – từ bốn răng trở lên trên mỗi góc phần tư	Cơ bản
D4342	Nạo túi nha chu và bào lóng gốc răng – từ một đến ba răng trên mỗi góc phần tư	Cơ bản
D4346	Nạo vôi khi có tình trạng viêm nướu vừa hoặc nặng – toàn bộ khoang miệng, sau khi khám răng miệng	Phòng ngừa
D4355	Vệ sinh toàn bộ khoang miệng để có thể đánh giá và chẩn đoán toàn diện trong lần khám tiếp theo	Cơ bản
D4910	Duy trì sức khỏe nha chu	Cơ bản
D5110	Răng giả toàn hàm – hàm trên	Chuyên sâu
D5120	Răng giả toàn hàm – hàm dưới	Chuyên sâu

D5130	Răng giả tức thì – hàm trên	Chuyên sâu
D5140	Răng giả tức thì – hàm dưới	Chuyên sâu
D5211	Răng giả từng phần hàm trên – đế nhựa (bao gồm móc cài thông thường, giá đỡ và răng)	Chuyên sâu
D5212	Răng giả từng phần hàm dưới – đế nhựa (bao gồm móc cài thông thường, giá đỡ và răng)	Chuyên sâu
D5213	Răng giả từng phần hàm trên – khung hợp kim đúc với đế răng giả bằng nhựa (bao gồm vật liệu cố định/kẹp, giá đỡ và răng)	Chuyên sâu
D5214	Răng giả từng phần hàm dưới – khung kim loại đúc với đế răng giả bằng nhựa (bao gồm vật liệu cố định/kẹp, giá đỡ và răng)	Chuyên sâu
D5221	Răng giả từng phần tức thì hàm trên – đế nhựa (bao gồm vật liệu cố định/kẹp, giá đỡ và răng)	Chuyên sâu
D5222	Răng giả từng phần tức thì hàm dưới – đế nhựa (bao gồm vật liệu cố định/kẹp, giá đỡ và răng)	Chuyên sâu
D5223	Răng giả từng phần tức thì hàm trên – khung hợp kim đúc với đế răng giả bằng nhựa (bao gồm vật liệu cố định/kẹp, giá đỡ và răng)	Chuyên sâu

D5224	Răng giả từng phần tức thì hàm dưới – khung hợp kim đúc với đế răng giả bằng nhựa (bao gồm vật liệu cố định/kẹp, giá đỡ và răng)	Chuyên sâu
D5283	Răng giả tháo lắp từng phần một bên, hợp kim đúc nguyên khối, hàm dưới	Chuyên sâu
D5410	Điều chỉnh răng giả toàn hàm – hàm trên	Chuyên sâu
D5411	Điều chỉnh răng giả toàn hàm – hàm dưới	Chuyên sâu
D5421	Điều chỉnh răng giả từng phần – hàm trên	Chuyên sâu
D5422	Điều chỉnh răng giả từng phần – hàm dưới	Chuyên sâu
D5511	Chỉnh sửa đế răng giả bị gãy, hàm dưới	Cơ bản
D5512	Chỉnh sửa đế răng giả bị gãy, hàm trên	Cơ bản
D5520	Thay răng bị mất hoặc gãy – răng giả toàn hàm – theo từng răng	Cơ bản
D5611	Chỉnh sửa đế răng giả từng phần bằng nhựa, hàm dưới	Cơ bản
D5612	Chỉnh sửa đế răng giả từng phần bằng nhựa, hàm trên	Cơ bản
D5621	Chỉnh sửa khung từng phần hợp kim đúc, hàm dưới	Cơ bản
D5622	Chỉnh sửa khung từng phần hợp kim đúc, hàm trên	Cơ bản
D5630	Chỉnh sửa hoặc thay chốt bị hỏng – theo từng răng	Cơ bản
D5640	Thay răng bị mất hoặc gãy – răng giả từng phần – theo từng răng	Cơ bản

D5650	Thêm răng vào hàm giả từng phần hiện có – theo từng răng	Cơ bản
D5660	Thêm chốt vào hàm giả từng phần hiện có – theo từng răng	Cơ bản
D5670	Thay toàn bộ răng & acrylic trên khung hợp kim đúc, hàm trên	Cơ bản
D5671	Thay toàn bộ răng & acrylic trên khung hợp kim đúc, hàm dưới	Cơ bản
D5710	Làm lại để răng giả toàn hàm cho hàm trên	Cơ bản
D5711	Làm lại để răng giả toàn hàm cho hàm dưới	Cơ bản
D5720	Làm lại để răng giả từng phần cho hàm trên	Cơ bản
D5721	Làm lại để răng giả từng phần cho hàm dưới	Cơ bản
D5730	Thay lớp lót răng giả toàn hàm cho hàm trên (trực tiếp)	Cơ bản
D5731	Thay lớp lót răng giả toàn hàm cho hàm dưới (trực tiếp)	Cơ bản
D5740	Thay lớp lót răng giả từng phần cho hàm trên (trực tiếp)	Cơ bản
D5741	Thay lớp lót răng giả từng phần cho hàm dưới (trực tiếp)	Cơ bản
D5750	Thay lớp lót răng giả toàn hàm cho hàm trên (gián tiếp)	Cơ bản
D5751	Thay lớp lót răng giả toàn hàm cho hàm dưới (gián tiếp)	Cơ bản
D5760	Thay lớp lót răng giả từng phần cho hàm trên (gián tiếp)	Cơ bản
D5761	Thay lớp lót răng giả từng phần cho hàm dưới (gián tiếp)	Cơ bản

D5820	Răng giả từng phần tạm thời (bao gồm vật liệu cố định/kẹp, giá đỡ và răng), hàm trên	Chuyên sâu
D5821	Răng giả từng phần tạm thời (bao gồm vật liệu cố định/kẹp, giá đỡ và răng), hàm dưới	Chuyên sâu
D5850	Đệm mô, hàm trên	Chuyên sâu
D5851	Đệm mô, hàm dưới	Chuyên sâu
D6210	Răng thay thế – hợp kim đúc có tỷ lệ kim loại quý cao	Chuyên sâu
D6211	Răng thay thế – hợp kim đúc chủ yếu là kim loại cơ bản	Chuyên sâu
D6212	Răng thay thế – hợp kim đúc có kim loại quý	Chuyên sâu
D6240	Răng thay thế – sứ kết hợp với hợp kim có tỷ lệ kim loại quý cao	Chuyên sâu
D6241	Răng thay thế – sứ kết hợp với hợp kim chủ yếu là kim loại cơ bản	Chuyên sâu
D6242	Răng thay thế – sứ kết hợp với kim loại quý	Chuyên sâu
D6245	Răng thay thế – sứ/gốm	Chuyên sâu
D6250	Răng thay thế – nhựa với hợp kim có tỷ lệ kim loại quý cao	Chuyên sâu
D6251	Răng thay thế – nhựa với hợp kim chủ yếu là kim loại cơ bản	Chuyên sâu
D6252	Răng thay thế – nhựa với kim loại quý	Chuyên sâu
D6545	Hàm duy trì, hợp kim đúc cho răng giả cố định liên kết bằng nhựa	Chuyên sâu
D6548	Sứ Retorcelain, sứ/gốm, hợp kim đúc cho răng giả cố định liên kết bằng nhựa	Chuyên sâu

D6549	Hàm duy trì bằng nhựa, cho hợp kim đúc cho răng giả cố định liên kết bằng nhựa	Chuyên sâu
D6720	Mão hàm duy trì – nhựa với hợp kim có tỷ lệ kim loại quý cao	Chuyên sâu
D6721	Mão hàm duy trì – nhựa với hợp kim chủ yếu là kim loại cơ bản	Chuyên sâu
D6722	Mão hàm duy trì – nhựa với kim loại quý	Chuyên sâu
D6740	Mão hàm duy trì – sứ/gốm	Chuyên sâu
D6750	Mão răng – sứ kết hợp với hợp kim có tỷ lệ kim loại quý cao	Chuyên sâu
D6751	Mão hàm duy trì – sứ kết hợp với hợp kim chủ yếu là kim loại cơ bản	Chuyên sâu
D6752	Mão hàm duy trì – sứ kết hợp với kim loại quý	Chuyên sâu
D6780	Mão hàm duy trì – 3/4 hợp kim đúc có tỷ lệ kim loại quý cao	Chuyên sâu
D6781	Mão hàm duy trì – 3/4 hợp kim đúc chủ yếu là kim loại cơ bản	Chuyên sâu
D6782	Mão hàm duy trì – 3/4 hợp kim đúc có kim loại quý	Chuyên sâu
D6783	Mão hàm duy trì – 3/4 sứ/gốm	Chuyên sâu
D6790	Mão hàm duy trì – hoàn toàn hợp kim đúc có tỷ lệ kim loại quý cao	Chuyên sâu
D6791	Mão hàm duy trì – hoàn toàn hợp kim đúc chủ yếu là kim loại cơ bản	Chuyên sâu
D6792	Mão hàm duy trì – hoàn toàn hợp kim đúc có kim loại quý	Chuyên sâu
D6930	Trám xi măng lại cho răng giả từng phần cố định	Chuyên sâu



D6980	Sửa chữa răng giả từng phần cố định do lỗi vật liệu phục hình	Chuyên sâu
D7140	Nhổ răng, răng đã mọc hoặc chân răng bị lộ (nâng và/hoặc nhổ bằng kẹp)	Cơ bản
D7210	Nhổ răng, răng đã mọc cần phải loại bỏ xương và/hoặc cắt răng, bao gồm nâng vật niêm mạc xương nếu có chỉ định.	Cơ bản
D7220	Nhổ răng bị ảnh hưởng – mô mềm	Cơ bản
D7230	Nhổ răng bị ảnh hưởng – một phần xương	Cơ bản
D7240	Nhổ răng bị ảnh hưởng – toàn bộ xương	Cơ bản
D7241	Nhổ răng bị ảnh hưởng – toàn bộ xương với biến chứng phẫu thuật bất thường	Cơ bản
D7261	Đóng lỗ thủng xoang ban đầu	Cơ bản
D7250	Loại bỏ phần chân răng còn sót lại (thủ thuật cắt)	Cơ bản
D7270	Cấy ghép lại răng và/hoặc ổn định răng vô tình bị bật ra hoặc sai chỗ	Cơ bản
D7280	Lộ răng chưa mọc	Chỉnh nha
D7283	Cấy, thiết bị tạo điều kiện mọc răng, cố định	Chỉnh nha
D7284	Sinh thiết toàn phần các tuyến nước bọt nhỏ	Cơ bản

D7285	Sinh thiết một phần mô miệng, phần cứng (xương, răng)	Cơ bản
D7286	Sinh thiết mô miệng – mềm	Cơ bản
D7310	Phẫu thuật tạo hình ổ răng kết hợp với nhổ răng – từ bốn răng hoặc khoảng trống răng trở lên trên mỗi góc phần tư	Cơ bản
D7311	Phẫu thuật tạo hình ổ răng kết hợp với nhổ răng – từ một đến ba răng hoặc khoảng trống răng trên mỗi góc phần tư	Cơ bản
D7320	Phẫu thuật tạo hình ổ răng không kết hợp nhổ răng – từ bốn răng hoặc khoảng trống răng trở lên trên mỗi góc phần tư	Cơ bản
D7321	Phẫu thuật tạo hình ổ răng không kết hợp nhổ răng – từ một đến ba răng hoặc khoảng trống răng trên mỗi góc phần tư	Cơ bản
D7340	Phẫu thuật tiền đình – mở rộng ngạc (biểu mô hóa thứ cấp)	Cơ bản
D7350	Phẫu thuật tiền đình – mở rộng ngạc (bao gồm ghép mô mềm, gắn lại cơ, sửa lại sự gắn kết của mô mềm và xử lý mô phì đại và tăng sản)	Cơ bản
D7410	Cắt bỏ mô tổn thương lành tính, tối đa 1.25 cm	Cơ bản
D7450	Cắt bỏ u nang hoặc khối u răng lành tính – đường kính mô tổn thương tối đa 1.25 cm	Cơ bản

D7451	Cắt bỏ u nang hoặc khối u răng lành tính – đường kính mô tổn thương lớn hơn 1.25 cm	Cơ bản
D7460	Cắt bỏ, u nang/khối u lành tính không phải do răng, tối đa 1.25 cm	Cơ bản
D7461	Loại bỏ, u nang/khối u lành tính không phải do răng, lớn hơn 1.25 cm	Cơ bản
D7471	Cắt bỏ u xương hai bên (xương hàm trên hoặc xương hàm dưới)	Cơ bản
D7472	Cắt bỏ lõi củ xương hàm trên	Cơ bản
D7473	Cắt bỏ lõi củ xương hàm dưới	Cơ bản
D7485	Giảm tình trạng lõi củ xương	Cơ bản
D7510	Rạch và dẫn lưu ổ áp xe – mô mềm trong miệng	Cơ bản
D7511	Rạch và dẫn lưu ổ áp xe, mô mềm trong miệng, biến chứng	Cơ bản
D7520	Rạch và dẫn lưu ổ áp xe, mô mềm ngoài miệng	Cơ bản
D7521	Rạch và dẫn lưu ổ áp xe, mô mềm ngoài miệng, biến chứng	Cơ bản
D7530	Loại bỏ dị vật, niêm mạc, da, mô	Cơ bản
D7560	Phẫu thuật mở xoang hàm trên để loại bỏ mảnh răng hoặc dị vật	Cơ bản
D7922	Đặt băng sinh học vào trong ổ để hỗ trợ cầm máu hoặc ổn định quá trình đông máu, theo từng vị trí	Cơ bản

D7961	Cắt dây hãm môi/má (phẫu thuật cắt mô liên kết)	Cơ bản
D7962	Cắt dây hãm lưỡi (phẫu thuật cắt mô liên kết)	Cơ bản
D7963	Phẫu thuật cắt dây hãm lưỡi	Cơ bản
D7970	Cắt bỏ mô tăng sản – theo hàm	Cơ bản
D7971	Cắt bỏ nướu quanh thân răng	Cơ bản
D7972	Phẫu thuật giảm u xơ xương	Cơ bản
D9110	Điều trị giảm nhẹ (cấp cứu) tình trạng đau răng – thủ thuật đơn giản	Cơ bản
D9120	Cắt răng giả từng phần cố định	Cơ bản
D9210	Gây tê cục bộ không kết hợp với các thủ thuật phẫu thuật	Cơ bản
D9211	Gây tê khối dây thần kinh theo vùng	Cơ bản
D9212	Gây tê khối dây thần kinh sinh ba	Cơ bản
D9215	Gây tê cục bộ kết hợp với các thủ thuật phẫu thuật	Cơ bản
D9219	Đánh giá để gây mê sâu hoặc gây mê toàn thân	Cơ bản
D9222	Gây mê sâu/gây mê toàn thân – 15 phút đầu tiên	Cơ bản
D9223	Gây mê sâu/gây mê toàn thân – mỗi 15 phút tiếp theo	Cơ bản
D9230	Hít khí nitơ oxit/giải lo âu, giảm đau	Cơ bản

D9239	Tiêm tĩnh mạch thuốc an thần/giảm đau vừa phải (có ý thức) – 15 phút đầu tiên	Cơ bản
D9243	Tiêm tĩnh mạch thuốc an thần/giảm đau vừa phải (có ý thức) – mỗi 15 phút tiếp theo	Cơ bản
D9310	Dịch vụ tư vấn – chẩn đoán do nha sĩ hoặc bác sĩ cung cấp ngoài nha sĩ hoặc bác sĩ chỉ định	Chẩn đoán và Phòng ngừa
D9311	Tham vấn chuyên gia chăm sóc sức khỏe	Chẩn đoán và Phòng ngừa
D9430	Thăm khám tại phòng khám để theo dõi (trong giờ làm việc theo lịch thông thường) – không thực hiện bất kỳ dịch vụ nào khác	Chẩn đoán và Phòng ngừa
D9440	Thăm khám tại phòng khám – sau giờ làm việc theo lịch thông thường	Chẩn đoán và Phòng ngừa
D9944	Cục nâng khớp cắn, thiết bị cứng, toàn hàm	TMJ
D9945	Cục nâng khớp cắn, thiết bị mềm, toàn hàm	TMJ
D9951	Điều chỉnh khớp cắn – một phần	TMJ
D9952	Điều chỉnh khớp cắn – toàn bộ	TMJ
D9991	Quản lý ca bệnh nha khoa – giải quyết các vấn đề ảnh hưởng đến tuân thủ lịch hẹn.	Dịch vụ tổng quát
D9992	Quản lý ca bệnh nha khoa – phối hợp chăm sóc	Dịch vụ tổng quát
D9995	Chăm sóc nha khoa từ xa – đồng bộ; gặp gỡ theo thời gian thực	Dịch vụ tổng quát
D9996	Chăm sóc nha khoa từ xa – không đồng bộ; thông tin được lưu trữ và chuyển tiếp đến nha sĩ để xem xét sau	Dịch vụ tổng quát